

VỀ XU HƯỚNG HỢP TÁC ASEAN VÀ ĐÔNG BẮC Á

TS, NGUYỄN XUÂN DŨNG

Viện KHXH Việt Nam

Ngày nay, thế giới đang bước vào giai đoạn phát triển mới với những biến đổi rộng lớn, sâu sắc, nhanh chóng và phức tạp, vừa tạo ra những cơ hội to lớn vừa đặt ra những thách thức mới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Khủng bố đang có nguy cơ lan rộng, tình trạng mất ổn định và xung đột ở nhiều nơi tiếp tục là một mối đe dọa đối với hoà bình, an ninh và phát triển trên thế giới. Dưới tác động của sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và quá trình toàn cầu hoá, nền kinh tế thế giới đang bước vào thời kỳ phát triển mới, song lại phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt, chiều hướng gia tăng của xu hướng bảo hộ mậu dịch. Trong khi đó, các vấn đề toàn cầu ngày càng trở nên gay gắt hơn như đói nghèo, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, tội phạm xuyên quốc gia... đòi hỏi tăng cường những nỗ lực chung của khu vực và quốc tế. Hoà bình, hợp tác và phát triển tiếp tục là xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế, là đòi hỏi bức xúc của mọi quốc gia, dân tộc, tạo thuận lợi cho việc thực hiện mục đích vì an ninh, ổn định và phát triển thịnh vượng trên thế giới. Đặc biệt, khu vực châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục trở thành khu vực tăng trưởng nhanh và năng động nhất của nền kinh tế thế giới, nó đã thực sự mở ra một kỷ nguyên phát triển mới, nhất là sự trỗi dậy của Trung Quốc.

Nhìn từ góc độ toàn cầu, xu hướng liên kết hội nhập ngày càng đa dạng hơn với nhiều tầng nấc, nhiều cấp độ và nhiều hình thức khác nhau, các kế hoạch hợp tác đa phương toàn khu vực; hợp tác đa phương tiểu khu vực; các Hiệp định mậu dịch tự do (FTA) song phương và khu vực (RTA/BFTA) tiếp tục phát triển và chiếm ưu thế về mức độ cam kết, phạm vi lĩnh vực và thời gian hoàn thành.

Nếu như các nước thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) phải mất 25 năm mới quyết định bắt đầu một khu vực mậu dịch tự do hoàn toàn và phải mất thêm 10 năm nữa để hoàn tất quá trình thực hiện đối với ASEAN 6 (*Thái Lan, Malaysia, Philippine, Indonesia, Singapore, Brunei*); hoặc phải sau 29 năm mới có Điều luật châu Âu chung và sau 35 năm mới ra đời Hiệp ước Liên minh châu Âu, kể từ Hiệp ước Rôm lập nên Cộng đồng kinh tế châu Âu (năm 1957) thì ngược lại, trong một số trường hợp các FTA song phương ở khu vực Đông Á được hoàn tất chỉ trong vòng 2-3 năm. Đối với những kế hoạch hội nhập đa phương phức tạp nhất thì khung thời gian hoàn thiện chuẩn được đặt ra trong thời gian 10 năm. Tính đến tháng 5/ 2003, trên thế giới có 265 hiệp định RTA/BFTA đã được thông báo cho Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), trong đó có khoảng 190 hiệp định đang có hiệu lực và khoảng 60 hiệp định khác sẽ sớm đi vào hoạt động.

Số lượng các hiệp định đang trong quá trình đàm phán và dự kiến có thể thông báo cho WTO sẽ lên tới con số 300 vào năm 2005,

Nếu như trước đây nỗ lực hàng đầu là thúc đẩy hợp tác kinh tế mang tính liên lục địa Thái Bình Dương, thì từ cuối những năm 1990 của thế kỷ XX tính chất hợp tác kinh tế và tài chính trong khu vực Đông Á ngày càng mang nhiều hình thái khác nhau, từ những sáng kiến ký kết các FTA song phương sôi động bên trong Đông Á tới những sáng kiến ký kết các FTA đa phương. Sự phụ thuộc lẫn nhau và hợp tác kinh tế giữa các nước Đông Á trong thời gian qua, nổi bật là hợp tác ASEAN với từng nước Đông Bắc Á theo mô hình ASEAN + 1 (ASEAN + Trung Quốc, ASEAN + Nhật Bản, ASEAN + Hàn Quốc) và mô hình ASEAN + 3 bao gồm 10 nước thành viên ASEAN và 3 nước Đông Bắc Á: Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc đang từng bước phát triển; tiến trình nhất thể hoá ASEAN và việc phát triển sông Mêcông không ngừng được thúc đẩy; liên minh hợp tác khu vực Nam Á khôi phục sức sống và xác định xây dựng khu vực mậu dịch tự do; hợp tác xuyên Á lấy “đối thoại hợp tác châu Á” làm nội dung chủ yếu đã được thể hiện rõ. Ngoài ra, các cơ chế như Hội đồng hợp tác an ninh châu Á - Thái Bình Dương, Hội nghị bàn tròn châu Á - Thái Bình Dương... ngày càng sôi động.

Mặt khác, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nhất thể hoá kinh tế toàn cầu, các nước Đông Á đã đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế đáng kể, đồng thời gia tăng sự liên kết và tùy thuộc một cách thiết thực bằng việc xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài và tự do hoá thương mại trong khu vực, quan hệ hợp tác kinh tế của các nước Đông Á cũng ngày càng

sâu sắc hơn, gắn bó hơn, nói khác đi, khuynh hướng hợp tác kinh tế định hướng Đông Á ngày càng phát triển. Hiện nay, quan hệ kinh tế ở mức khu vực tăng lên một cách nổi bật. Sự hợp tác kinh tế này đều lấy tổ chức ASEAN làm cơ sở, bởi nó có thể mạnh là tổ chức khu vực gồm nhiều quốc gia với một khuôn khổ thể chế đầy đủ nhất trong khu vực, mặc dù, vai trò còn bị hạn chế do tiềm lực kinh tế cũng như mức độ liên kết chưa cao.

Dù trong quá trình tăng cường liên kết nội bộ nhưng ASEAN cũng đang đứng trước xu thế mở rộng liên kết ra bên ngoài, nhất là với các nước Đông Bắc Á. Mức độ buôn bán trong nội bộ khu vực Đông Á là khá cao, chỉ tính riêng tỷ trọng xuất nhập khẩu giữa các nước thành viên ASEAN với các nước Đông Bắc Á chiếm khoảng 24% đến 30%⁽⁹⁾. Đặc biệt, kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ (1997-1998) đã có sự chuyển động rõ ràng theo hướng hình thành một khuôn khổ hợp tác trong khu vực Đông Á. Khu vực này đã trở thành một phần quan trọng của nền kinh tế toàn cầu bên cạnh NAFTA và EU, ASEAN + 3, một thực thể kinh tế được tổ chức gồm: Thái Lan, Malaysia, Philippine, Indonesia, Singapore, Brunei, Myanma, Việt Nam, Lào, Campuchia cộng với Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc, chiếm tới 19,7% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của thế giới và chiếm 20,8% thương mại toàn cầu trong năm 2003 (xem bảng 1, 2).

Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN - Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc (tháng 12/1997) đã ra “Tuyên ngôn hợp tác hướng tới thế kỷ XXI” - đây được ghi nhận là sự kiện mở đầu của tiến trình hợp

⁽⁹⁾ Các con số chú thích là biểu thị số thứ tự các tài liệu tham khảo ở cuối bài.

tác ASEAN +3. Trong hợp tác khu vực về lĩnh vực tài chính, Nhật Bản đã đề xuất sáng kiến lập ra Quỹ tiền tệ châu Á (AMF), với 100 tỷ USD do các nước Đông Á đóng góp và sẽ hoạt động độc lập với Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), thay thế cho IMF trong một số lĩnh vực, chẳng hạn trong việc giám sát hoạt động tài chính ở khu vực. Tuy nhiên, kế hoạch này không thực hiện được do một vài quốc gia Đông Nam Á tỏ ra lo lắng trước Nhật Bản, mặt khác các nước phương Tây cũng phản đối về dự kiến này.

Tiếp đó, “Tuyên bố chung về hợp tác Đông Á” của Hội nghị Thượng đỉnh các nước ASEAN + 3 (Philippine, 11/1999) thể hiện sự đồng thuận về nguyên tắc và các lĩnh vực hợp tác cơ bản của các nhà lãnh đạo ASEAN + 3, nó mang tính chiến lược, dựa trên cơ sở 5 nguyên tắc chung sống hoà bình và các nguyên tắc

của Hiệp ước thân thiện và hợp tác Bali 1976 cũng như luật pháp quốc tế, mong muốn hợp tác lâu dài trên các lĩnh vực thương mại, đầu tư, tiền tệ, tài chính, nguồn nhân lực, khoa học - kỹ thuật, văn hoá, chính trị và an ninh. Một số cơ chế cơ bản trong khuôn khổ hợp tác kinh tế khu vực bao gồm: cuộc họp thường niên của lãnh đạo các nước; cuộc họp của các bộ trưởng (tài chính, kinh tế, ngoại giao) và cuộc họp của các nhân viên cấp cao chính phủ...

Mục đích chính của Tuyên bố này, theo Ông Chu Dung Cơ, là: “xác định mục tiêu, nguyên tắc và lĩnh vực hợp tác Đông Á cho thế kỷ mới, đảm bảo chắc chắn hợp tác Đông Á tiếp tục đi lên trên con đường đúng đắn và lành mạnh, bảo vệ hoà bình thế giới, thúc đẩy cộng đồng phát triển là tôn chỉ và mục tiêu trong hợp tác Đông Á”⁽⁷⁾.

Bảng 1: So sánh GDP của ASEAN + 3 với các khu vực của thế giới

Đơn vị: tỷ USD, %

	1996-2000		2001		2002		2003	
	GDP	(%)	GDP	(%)	GDP	(%)	GDP	(%)
ASEAN	597,3	1,97	545,3	1,75	605,5	1,87	676,0	1,86
T,Quốc, Nhật Bản,Hàn Quốc	5.865,0	19,35	5.814,8	18,66	5.780,5	17,82	6.325,1	17,42
ASEAN + 3	6.462,3	21,32	6.360,1	20,41	6.386,0	19,68	7.001,1	19,28
NAFTA	9.884,6	32,60	11.437,8	36,71	11.865,6	36,57	12.483,8	34,38
EU	8.413,2	27,75	7.935,9	25,47	8.667,7	26,71	10.508,1	28,94
WORLD	30.317,6	100,00	31.154,4	100,00	32.446,2	100,00	36.309,6	100,00

Nguồn: Global Insight, 2004, World Overview: Second Quarter 2004,

Bảng 2: Kim ngạch thương mại và tỷ lệ của ASEAN + 3 so với thế giới

Đơn vị: tỷ USD, %

	1998		2000		2003	
	Kim ngạch	(%)	Kim ngạch	(%)	Kim ngạch	(%)
ASEAN	599,0	5,48	804,3	6,20	920,6	5,99
Trung Quốc,	1.320,9	12,10	1.785,1	13,75	2.270,9	14,78

Nhật Bản, Hàn Quốc						
ASEAN + 3	1.919,9	17,58	2.589,4	19,95	3.191,5	20,77
NAFTA	2.297,3	21,04	2.850,4	21,96	2.824,5	18,38
EU	4.073,6	37,30	4.468,3	34,43	5.552,1	36,14
Thế giới	10.920,7	100,00	12.979,5	100,00	15.364,7	100,00

Nguồn: IMF, June 2004, Direction of Trade Statistics: Quarterly,

Trên cơ sở Hội nghị Nguyên thủ quốc gia, cơ chế hợp tác ASEAN + 3 còn dần dần vươn tới hội nghị bộ trưởng và quan chức cấp cao của các bộ kinh tế, ngoại giao, tài chính, thống đốc ngân hàng. Các cuộc gặp này có nhiệm vụ đánh giá tình hình thực hiện những kế hoạch đã nêu; cụ thể hoá và xác định những lĩnh vực ưu tiên; đưa ra các sáng kiến mới trong từng lĩnh vực hợp tác. Từ kết quả của Hội nghị Thượng đỉnh các nước ASEAN + 3, lần đầu tiên tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao các nước ASEAN + 3 (Thái Lan, 2000) đã thông qua phương thức thực hiện *Tuyên bố chung*. Tiếp theo, *"Sáng kiến Chiêng Mai"* của Hội nghị Bộ trưởng Tài chính các nước thành viên ASEAN + 3 (tháng 5/2000) đã đề ra sáu nội dung cụ thể như sau: *Một*, sử dụng khuôn khổ ASEAN + 3 để thúc đẩy trao đổi một cách thường xuyên và kịp thời các dữ liệu và thông tin về các luồng di chuyển vốn; *Hai*, lập một mạng lưới các đầu mối để thúc đẩy giám sát tài chính khu vực ở Đông Á; *Ba*, củng cố các khuôn khổ hợp tác sẵn có giữa các cơ quan tiền tệ ASEAN + 3; *Bốn*, yêu cầu Ban thư ký ASEAN chỉ đạo và phối hợp nghiên cứu về những cơ chế thích hợp khác để tăng cường khả năng hỗ trợ đầy đủ và kịp thời nhằm bảo đảm ổn định tài chính ở Đông Á; *Năm*, lập mạng lưới các cơ quan nghiên cứu và huấn luyện để tiến hành nghiên cứu và huấn luyện về những vấn đề tài chính cùng quan tâm; và *Sáu*, mở rộng cơ chế hoán đổi tiền tệ song phương giúp các nước thành viên trong trường hợp bị khủng hoảng tài chính.

Một số lĩnh vực ưu tiên hợp tác cũng được Hội nghị Bộ trưởng kinh tế các nước thành viên ASEAN + 3 (5/2000) xác định, bao gồm: *một là*, đẩy mạnh thương mại, đầu tư và chuyển giao công nghệ; *hai là*, khuyến khích hợp tác kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ thông tin và thương mại điện tử; *ba là*, khuyến khích sự tham gia vào triển khai các lĩnh vực phát triển của ASEAN trong đó có tiểu vùng Mê Công; *bốn là*, thúc đẩy sự tham gia của khu vực tư nhân thông qua các sáng kiến như Hội đồng doanh nghiệp Đông Á và diễn đàn doanh nghiệp các ngành chuyên môn; *năm là*, củng cố năng lực của các xí nghiệp vừa và nhỏ và các ngành công nghiệp hỗ trợ; *sáu là*, hợp tác khoa học kỹ thuật; *bảy là*, phát triển nguồn nhân lực; *tám là*, hợp tác nông nghiệp, công nghiệp và du lịch; và *chín là*, phối hợp và hợp tác trên các diễn đàn quốc tế và khu vực,

Tiếp đến, Hội nghị Nguyên thủ quốc gia các nước ASEAN (11/2001) đã quyết định thúc đẩy các mối liên kết kinh tế giữa các quốc gia Đông Á theo hướng hội nhập ASEAN với Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc. Mục tiêu hợp tác ASEAN + 3 là nhằm thúc đẩy và mở rộng hợp tác song phương giữa Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc với ASEAN, trước hết là lĩnh vực tài chính - tiền tệ để hạn chế tối đa nguy cơ khủng hoảng tài chính - tiền tệ tương tự như năm 1997-1998. Về dài hạn, hợp tác ASEAN + 3 có thể tiến tới hình thành một khu vực tự do thương mại Đông Á. Theo tính toán của Viện Chính sách kinh tế quốc

tế Hàn Quốc (KIEP) thì việc mở rộng ASEAN sang khu vực Đông Bắc Á sẽ mang lại lợi ích kinh tế ổn định. Lợi ích của FTA Đông Á cũng được tính toán do đa số các nước ASEAN nhấn mạnh sự cần thiết của việc ký kết các FTA Đông Á trung và dài hạn. Mặc dù lợi ích thu được từ FTA là khác nhau, từ tự do hoá thương mại và cải thiện các hàng rào phi thuế quan cho tới các nguồn đầu tư và giá thành sản phẩm.

Tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN VIII (PhnômPênh, 2002) tiếp tục khẳng định đẩy mạnh tiến trình AFTA và hợp tác toàn diện giữa các nước ASEAN, đồng thời mở rộng hợp tác giữa ASEAN với 3 nước Đông Bắc Á. Đặc biệt, tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN IX (Bali, 2003), các nhà lãnh đạo Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc cam kết tăng cường hợp tác ASEAN + 3, đề ra những bước đi để đến năm 2010 -2012 sẽ tạo thành khu vực thương mại tự do trong không gian thống nhất.

Tính từ năm 1999 đến nay, hợp tác ASEAN + 3 đã thông qua một số nguyên tắc chung, mục tiêu và khuôn khổ hợp tác, nhất là trong một số lĩnh vực như thương mại, tài chính, trao đổi thông tin. Quan hệ thương mại của các nước ASEAN với các nước Đông Bắc Á ngày càng phát triển mạnh, mức độ buôn bán đạt khoảng trên 30%. Đối với một số sản phẩm chế tạo, chưa kể phần buôn bán với Nhật Bản, tỷ trọng buôn bán giữa các nước ASEAN đã rất cao như hoá chất (49,4%), thiết bị điện tử và điện tử (46,1%), sợi tổng hợp (52%)⁽⁸⁾.

Trên thực tế sự hợp tác ASEAN + 3 đã diễn ra khá ấn tượng song vẫn chứa đựng nhiều nguy cơ đe dọa sự tồn tại của nó. Mặc dù những khó khăn bên trong là chính nhưng những trở ngại bên ngoài cũng không nhỏ và khó khăn lớn nhất là khả năng thể chế hoá. Do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có nguyên nhân kinh

tế, có động cơ chính trị... theo một số nghiên cứu thì chủ yếu là do: *Một là*, vấn đề quyền lãnh đạo, trong khi nền kinh tế Trung Quốc phát triển với tốc độ cao thì bức tranh kinh tế Nhật Bản không mấy sáng sủa, nên cái gọi là mô thức “đàn én bay” dường như không còn tồn tại, tức con én đầu đàn là Nhật Bản không còn địa vị đứng đầu châu Á như thập kỷ 80 của thế kỷ trước. Do vậy, khó có khả năng tồn tại ai lãnh đạo ai trong khu vực. *Hai là*, vấn đề chính trị, nhiều nước trong khu vực lo sợ “thuyết mối đe dọa từ Trung Quốc” trước sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế nước này, nhưng lại có ý kiến cho rằng, chính từ yêu cầu nội tại của nền kinh tế Trung Quốc và mặt khác nhằm góp phần vào sự phục hồi kinh tế của các nước láng giềng. *Ba là*, vấn đề tranh chấp do lịch sử để lại, chủ yếu là từ quan điểm của Nhật Bản. *Và bốn là*, sự can thiệp của Mỹ vào khu vực Đông Á, Mỹ không những can thiệp vào công việc của Đông Á mà còn chia rẽ các nước Đông Á và can thiệp vào việc xây dựng khu vực tự do Đông Á, Như vậy, chừng nào những mâu thuẫn này còn tồn tại thì chừng đó việc thảo luận tự do hoá mậu dịch và xây dựng khu vực mậu dịch tự do là thiếu tính khả thi.

Thời gian gần đây, ý tưởng thành lập một *Cộng đồng kinh tế Đông Á* (Economic Community in East Asia - ECEA) đã được Thủ tướng Nhật Bản Koizumi đưa ra trong chuyến thăm Đông Nam Á đầu năm 2002. Ông kêu gọi thành lập nhóm kinh tế Đông Á ở một trình độ cao hơn ASEAN + 3 và theo Ông, APEC đã không thực sự quan tâm đến các quyền lợi của Đông Á và cho rằng: “Chúng ta cần phải chấm dứt việc núp dưới danh nghĩa giả mạo ASEAN + 3 để tự gọi mình là Tổ chức kinh tế Đông Á”⁽⁶⁾. Phía Trung Quốc cũng tỏ ra quan tâm đến sự hợp tác chặt chẽ hơn của Đông Á với việc “lấy hợp tác Trung Quốc và

Nhật Bản làm nền tảng, với vai trò thúc đẩy của ASEAN” (Nghệ Hà Quân, 2002). Cựu Thủ tướng Nhật Bản Hiromu Nonaka tuyên bố mạnh mẽ rằng những vấn đề của châu Á phải do châu Á tự giải quyết và Đông Á sẽ bắt đầu bằng việc thay thế phụ thuộc vào IMF bằng việc lập ra AMF và cuối cùng sẽ tiến đến một Liên bang chặt chẽ hơn như EU⁽⁸⁾.

Những người đưa ra sáng kiến hy vọng rằng ECEA sẽ trước hết góp phần thúc đẩy các nước thành viên phát triển công nghiệp; hai là, phục hồi các dòng vốn và ổn định các dòng tiền; ba là, tạo thuận lợi cho việc phối hợp giữa các nước trong giải quyết các vấn đề về môi trường và năng lượng - những vấn đề mới mà loài người phải đương đầu trong thế kỷ XXI; và cuối cùng là, đem lại sự thịnh vượng và hoà bình cho Đông Á. Mặt khác, ECEA cũng tìm kiếm xây dựng mối quan hệ hợp tác trên một phạm vi rộng lớn, trong đó bao gồm cải cách nông nghiệp trong khu vực, liên kết các tiêu chuẩn và công nghệ thông tin, mở cửa thị trường lao động, tạo ra một đồng tiền chung thông qua sự hợp tác của tất cả thị trường vốn và tài chính.... Ngoài ra, đối với ASEAN, cơ chế 10 + 3 sẽ khiến cho nền kinh tế của các quốc gia ASEAN có thể bổ sung cho nền kinh tế Đông Bắc Á, chứ không phải là cạnh tranh với nền kinh tế Đông Bắc Á. Mặc dù, “So với cơ chế hợp tác ASEAN + 3 thì liên kết kinh tế Đông Á dưới hình thức một khối hay cộng đồng kinh tế phải có 3 điều kiện: có một ý chí chung, có một phương hướng chung và có một khuôn khổ thể chế”⁽¹⁾.

Tại Hội nghị cấp cao lần thứ 8 giữa ASEAN + 3 (Viên Chăn, Lào, 11/2004) từ ý tưởng liên kết chính trị, các nhà lãnh đạo ASEAN + 3 còn thảo luận vấn đề thành lập Khu vực Mậu dịch Tự do Đông Á (EAFTA). Các bộ trưởng kinh tế ASEAN + 3 sẽ thành lập nhóm chuyên gia nghiên cứu tính khả thi của EAFTA, Nhật Bản sẽ

đăng cai tổ chức Hội nghị. Bộ trưởng ASEAN + 3 (5/2005) nhằm thảo luận khái niệm và mô hình Hội nghị cấp cao Đông Á.

Cho đến nay, ASEAN đã thỏa thuận về việc ký FTA với cả 3 nước Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc, mặc dù mỗi nước có một lịch trình riêng. Tại Hội nghị ASEAN + 3 (11/2004) ASEAN và Trung Quốc đã ký kết thỏa thuận thương mại, kêu gọi loại bỏ thuế đánh vào một loạt các mặt hàng công nghiệp và nông nghiệp vào năm 2010 - đây được coi là bước đi cụ thể đầu tiên để tiến tới FTA giữa Trung Quốc và ASEAN. Tuy nhiên, thỏa thuận này còn thiếu một cơ cấu giải quyết tranh chấp, hay thiếu một bộ máy thực thi cũng như những hạn chế về hàng hóa...). Nhật Bản và ASEAN đã xác định thời hạn bắt đầu đàm phán về mối quan hệ kinh tế toàn diện từ tháng 4/2005 và sẽ hoàn thành trong vòng 2 năm, Sự hợp tác này sẽ dẫn đến việc ký kết FTA vào năm 2012. Để hình thành quan hệ hợp tác kinh tế chặt chẽ hơn trong tương lai, Hàn Quốc và ASEAN cũng đã thỏa thuận được thời gian thương lượng về FTA, bắt đầu từ đầu năm 2005 và hoàn tất trong vòng 2 năm, theo hướng đến năm 2009 sẽ bãi bỏ thuế quan đối với ít nhất 80% số mặt hàng trao đổi. Có thể nói, những hiệp định này sẽ tạo ra một đòn bẩy lớn cho triển vọng kinh tế khu vực, thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế, ASEAN nỗ lực trong việc đa dạng hóa các mối quan hệ thương mại, không chỉ nhằm mục tiêu chiến lược là đảm bảo cho các nước thành viên không bị phụ thuộc quá nhiều vào một quốc gia nào đó, mà còn cho phép duy trì sự chủ động trong quan hệ với các quốc gia khác,

Trong ba trung tâm kinh tế lớn của thế giới Bắc Mỹ - Tây Âu - Đông Á thì Đông Á là khu vực duy nhất chưa có một tổ chức khu vực, ASEAN + 3 là một cố gắng hình thành thể chế nhằm nâng cao địa vị của

khu vực trong bối cảnh chính trị và kinh tế thế giới thời kỳ hậu chiến tranh lạnh. Là một khuôn khổ thuận khu vực Đông Á duy nhất, vị thế của ASEAN + 3 sẽ tăng lên cùng với vị thế của khu vực. Tư cách châu Á trong quan hệ liên khu vực Á - Âu với EU sẽ góp phần tạo dựng vị thế riêng của ASEAN + 3⁽⁵⁾. Nói cách khác, hợp tác Đông Á sẽ trở thành tiến trình hợp tác có sức sống và triển vọng tốt nhất trong khu vực châu Á, nó không chỉ tăng cường thêm chỗ dựa về kinh tế, chính trị giữa các nước Đông Á, nâng cao khả năng đối phó với thách thức toàn cầu hoá mà còn tạo ra động lực mới cho sự phát triển khu vực.

Tuy nhiên, việc thể chế hoá và mở rộng thành viên của nhóm nước này khó có thể diễn ra một cách nhanh chóng và suôn sẻ, đặc biệt, sự phát triển hay thụt lùi của hợp tác Đông Á sẽ có tác động lớn đến tình hình phát triển của các nước thành viên ASEAN. Một số nhà nghiên cứu cho rằng "Nếu ASEAN + 3 phát triển mạnh lên, hợp tác chặt chẽ với nhau, ASEAN có thể bị Trung Quốc hay Nhật Bản khống chế, có thể bị hoà tan trong Đông Á và bị mất vai trò độc lập "trung gian điều hoà" các quan hệ giữa các nước lớn ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Nếu hợp tác Đông Á yếu đi, không mang lại kết quả có thể làm cho một số nước ASEAN phân hoá, trở lại liên kết chặt chẽ với Mỹ, hoặc với Trung Quốc trên các phương diện"⁽¹⁾.

Tóm lại, mặc dù hội nhập ngày càng sâu sắc của cộng đồng Đông Á là mục tiêu đang hướng tới của các quốc gia trong khu vực, nhưng hội nhập kinh tế Đông Á vẫn vấp phải những trở ngại và hạn chế, đó là sự khác biệt lớn giữa các nền kinh tế cũng như hệ thống chính trị, văn hoá - xã hội giữa các nước Đông Á. Những khác biệt này cản trở việc thiết lập các quy tắc và tiêu chí chung trong quá trình thương lượng về hội nhập Đông Á.

Trong khi Trung Quốc và Nhật Bản cạnh tranh thúc đẩy các FTA song phương với ASEAN thì ASEAN đang củng cố khả năng của mình như một trung tâm FTA ở khu vực, ASEAN đã biến đổi thành một thực thể khu vực duy nhất cùng với sự mở rộng của chủ nghĩa khu vực diễn ra ở Đông Á sau cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ (1997 - 1998). Thông qua các cuộc gặp gỡ tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN + 3, các nước Đông Bắc Á đã thúc đẩy các cuộc đàm phán FTA với các quốc gia Đông Nam Á, và các quốc gia Đông Nam Á lại cũng đang thúc đẩy các cuộc đàm phán FTA với các nước ngoài khu vực Đông Á, bao gồm Australia, Ấn Độ và Mỹ.

Cần nhấn mạnh là, trong quá trình hoạch định chính sách quốc gia, khi chấp nhận hội nhập sâu hơn, các nước thành viên ASEAN phải đề ra các biện pháp và chính sách phù hợp với quy định chung của AEC, điều kiện của khu vực và của các nước thành viên, Mặt khác, quá trình liên kết ASEAN hiện nay và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN vào năm 2020 cần được xem là một bộ phận hợp thành của tiến trình liên kết toàn Đông Á, trong đó ASEAN cần chủ động trong xu hướng hợp tác 10 + 3 để từng bước tiến tới xây dựng một Cộng đồng Đông Á. Liên kết kinh tế toàn Đông Á không tiến triển theo một khuôn mẫu truyền thống mà phải có các bước đi phù hợp với xu hướng chung của liên kết khu vực. Và sự liên kết này không chỉ giới hạn ở một lĩnh vực mà còn liên kết trong các lĩnh vực thương mại, tài chính và đầu tư... các vấn đề chung của toàn khu vực, đồng thời nên dựa trên những liên kết ở các cấp độ khác nhau hiện có,

Dù có khá nhiều ý tưởng khác nhau về hình thức hoặc tiến độ của các chính phủ các nước, hay các đề xuất của các nhà khoa học song về cơ bản, các đề xuất này đều có quan điểm cho rằng hợp tác toàn diện

Đông Á sẽ có lợi cho cả khu vực. Chẳng hạn, việc thực hiện 26 dự án (trong đó có 17 dự án ngắn hạn và 9 kế hoạch nghiên cứu trung và dài hạn) của Nhóm nghiên cứu Đông Á trong đề xuất của báo cáo “*Hướng tới một Cộng đồng Đông Á*” và củng cố hợp tác các ngành theo tiến trình ASEAN + 3 trong các lĩnh vực hợp tác tiền tệ, tài chính, năng lượng, y tế sẽ rất quan trọng đối với tiến trình hướng tới một Cộng đồng Đông Á.

Trước xu thế liên kết thương mại khu vực và song phương ngày nay, là một quốc gia nằm trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam có cả cơ hội và thách thức. Cơ hội là sự gia tăng các liên kết với nhiều đối tác thương mại quan trọng sẽ góp phần tạo ra động lực để chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong nước theo hướng tập trung khai thác các mặt hàng có định hướng và thế mạnh xuất khẩu. Tuy nhiên, thách thức cũng không nhỏ, đó là cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu dựa trên các mặt hàng có hàm lượng giá trị gia tăng thấp, giá cả không ổn định và chưa thực sự bảo đảm đem lại lợi ích lâu dài và bền vững, tạo đà cho sự tăng trưởng, bao gồm các loại nông sản chưa chế biến, khoáng sản và một số sản phẩm công nghiệp nhẹ như: dệt may, giày dép... Thậm chí, việc thực hiện các FTA song phương có thể sẽ nảy sinh một số bất lợi, chẳng hạn trong cán cân thương mại, nhập siêu tăng lên, một số mặt hàng truyền thống bị cạnh tranh gay gắt hơn ngay trên thị trường nội địa dẫn đến sự đình trệ, thất nghiệp và các tổn thất khác. Hơn nữa, Việt Nam là một quốc gia đang phát triển và đang trong quá trình chuyển đổi, việc đổi mới cơ cấu kinh tế cũng có thể gặp phải trở ngại nhất định như thị trường của các yếu tố sản xuất chưa thực sự năng động. Trong điều kiện đó, cần xem xét kỹ việc mở rộng nhanh chóng các liên kết song phương như một số quốc gia trong khu vực có điều kiện hơn đang thực hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Xuân Thắng (chủ biên), *Sự điều chỉnh chiến lược hợp tác khu vực Châu Á - Thái Bình Dương trong bối cảnh quốc tế mới*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004.
2. Lê Bộ Lĩnh, *Triển vọng hợp tác kinh tế Đông Á trong xu hướng liên kết khu vực hiện nay*, Tạp chí Những vấn đề Kinh tế thế giới, No,10 (102)/2004.
3. Bùi Huy Khoát, *Chiến lược châu Á mới của EU và vai trò của ASEM*, Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 4 (52), 2003
4. Hoàng Khắc Nam, *Hợp tác ASEAN + 3 trong bối cảnh ASEM*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 5 (68)/2004, Tr, 46-5.
5. Tài liệu tham khảo đặc biệt, Thông tấn xã Việt Nam, các số ra năm 2004,
6. Tôn Sinh Thành, *Hợp tác Đông Á - Thực trạng và triển vọng*, Tạp chí Nghiên cứu quốc tế, No 39.
7. Nghê Hà Quân, *Khả năng thực hiện nhất thể hóa Đông Á*, Tạp chí Quan hệ quốc tế hiện đại, Trung Quốc, Số 6/2002.
8. JETRO, *Prospects for Free Trade Agreements in East Asia*, January, 2003.
9. *Press Statement by the Chairperson of the ASEAN China, the ASEAN Japan, the ASEAN Korea*, Bali, Indonesia, 2003.
10. Lee-Jay Cho, Yoon Hyung Kim and Chung H, Lee, *A Vision for Economic Cooperation in East Asia: China, Japan and Korea*, 2003.
11. FEER, 20/11/2003, P,31,.
12. UNCTAD: *Sharing Asia's Dynamism: Asian Direct Investment in EU*, 1998.
13. ESCAP, UN, *Economic and Social Survey Asia and the Pacific*, 2002.
14. Asian Development Bank, *Asian Development Outlook 2002*, 2003.